

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2023/KDTM-ST**
Ngày: 25/7/2023
*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và thẻ tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 71/2019/KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4632/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V
Địa chỉ: 89 đường L, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B
Địa chỉ: Lầu 1, tòa nhà ACM - số 96 đường C, phường 4, quận 3, TP.HCM
- *Bị đơn:* Công ty TNHH S
Địa chỉ: 63 Đường DC, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP.HCM
Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Cao T.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Cao T, sinh năm 1980
Địa chỉ: 39 Đường CN1, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn B trình bày:

Công ty TNHH S vay vốn tại Ngân hàng TMCP V Chi nhánh Sài Gòn- PGD Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số: 051017-4021346-01-SME ngày 09/10/2017 và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 16/10/2017 với các nội dung tóm tắt như sau:

Khế ước nhận nợ số	Số tiền vay	Thời hạn	Lãi suất/năm	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Mục đích vay
Lần: 01/ số: 091017-4021346-01-SME ngày 09/10/2017	199.900.000 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 26,80%/năm, điều chỉnh định kỳ 12 tháng/lần.	09/10/2017	09/10/2018	Thanh toán hóa đơn số 644, 645 ngày 07/10/2017 cho công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Lưu Phúc.
Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 16/10/2017.	50.000.000 đồng	60 tháng		16/10/2017	16/10/2022	Bổ sung vốn lưu động bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
Tổng cộng:	249,900,000 đồng					

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Phạm Cao T theo Hợp đồng bảo lãnh số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2017 và Hợp đồng bảo lãnh thẻ số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL/THE ngày 16/10/2017.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH S đề yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH S cố tình kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 25/7/2023 là 895.785.495 đồng; Trong đó: Nợ gốc hợp đồng tín dụng là 166.500.000 đồng, nợ lãi là 522.848.553 đồng; Nợ gốc thẻ là 48.390.000 đồng, nợ lãi là 158.046.941 đồng

Ngoài ra, Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Phạm Cao T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2017 và Hợp đồng bảo lãnh thẻ số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL/THE ngày 16/10/2017 đã ký.

- Bị đơn Công ty TNHH S vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Cao T vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty TNHH S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Công ty TNHH S vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có trụ sở tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là Công ty TNHH S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Cao T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Công ty TNHH S và ông Phạm Cao T vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty TNHH S và ông Phạm Cao T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng:*

Xét Hợp đồng tín dụng thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng thì Công ty TNHH S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 25/7/2023 là 895.785.495 đồng; Trong đó: Nợ gốc hợp đồng tín dụng là 166.500.000 đồng, nợ lãi là 522.848.553

đồng; Nợ gốc thẻ là 48.390.000 đồng, nợ lãi là 158.046.941 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty TNHH S thanh toán xong số tiền còn nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Phạm Cao T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2017 và Hợp đồng bảo lãnh thẻ số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL/THE ngày 16/10/2017 đã ký

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu do đó không có cơ sở xem xét.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Ngân hàng khởi kiện yêu Công ty TNHH S thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty TNHH S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó việc Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán số tiền nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 895.785.495 đồng, do đó **án phí Công ty TNHH S phải chịu là 38.873.565 đồng.**

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí **7.925.569 đồng.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V:

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền theo Hợp đồng tín dụng số: 051017-4021346-01-SME ngày 09/10/2017 và

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế, đến ngày 25/7/2023 là 895.785.495 đồng; Trong đó: Nợ gốc hợp đồng tín dụng là 166.500.000 đồng, nợ lãi là 522.848.553 đồng; Nợ gốc thẻ là 48.390.000 đồng, nợ lãi là 158.046.941 đồng.

Kể từ ngày 26/7/2023, nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH S thanh toán xong số tiền còn nợ.

Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là ông Phạm Cao T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2017 và Hợp đồng bảo lãnh thẻ số: 051017-4021346-01-SME/HĐBL/THE ngày 16/10/2017 đã ký

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **38.873.565 đồng** (Ba mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí **7.925.569 đồng** (Bảy triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí **số 0012640 ngày 26/8/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý

